|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  -----🙠🙢----- |

*Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2015.*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2014**

**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2015**

**PHẦN I**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX - KD NĂM 2014**

1. **ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm 2014, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo, kinh tế vĩ mô trong nước cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát chặt chẽ. Tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; SXKD còn gặp nhiều khó khăn. Chịu sự tác động chung của nền kinh tế và tình hình doanh nghiệp trong năm qua, hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco cũng không ngoại lệ và cũng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể như:

* Tình trạng kéo dài thời gian trúng thầu là vấn đề khó khăn cho doanh nghiệp, thường thì tham gia cung ứng 12 tháng (năm), trong khi các chủ đầu tư chưa tổ chức đấu thầu lại nên kéo dài có khi đến 18 tháng. Giá bán vẫn không thay đổi, trong khi các chi phí đầu vào luôn biến động tăng, mà doanh nghiệp thì không có **“Quỹ bình ổn giá như xăng, dầu”** nên hiệu quả kinh doanh thấp, thậm chí có những mặt hàng chấp nhận lỗ.
* Những năm gần đây, Chính phủ quan tâm đến người lao động và ban hành các Nghị quyết nhằm điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu. Điều này tạo tâm lý tốt cho người lao động, nhưng đối với doanh nghiệp thì là bài toán khó. Bởi, tỉ lệ tăng năng suất lao động phải cao hơn tỉ lệ tăng tiền lương, trong khi năng suất lao động chưa tăng.
* Thông thường thời hạn thanh toán sau khi mua hàng là 90 ngày, trong khi các bệnh viện kéo dài quá lâu ảnh hưởng đến kết quả SXKD, do: Cơ quan bảo hiểm chưa thanh toán phí điều trị hoặc thay đổi nhân sự cấp cao ở bệnh viện, phần công nợ của người tiền nhiệm sẽ được người kế nhiệm giải quyết cho các doanh nghiệp là “đóng băng” một thời gian, cùng nhiều giấy tờ hành chính nhiêu khê kèm theo với thủ tục thanh toán.
* Trong quá trình đấu thầu, doanh nghiệp cần phải chứng minh rất nhiều tiêu chuẩn, như: đánh giá năng lực về SXKD, năng lực tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm v.v… Nhưng khi duyệt thầu để chọn nhà thầu cung cấp thì chủ đầu tư dựa vào tính cạnh tranh về giá thành SP làm tiêu chuẩn chính để quyết định, chưa chú trọng đến chất lượng SP của nhà cung cấp. Điều này, khó khuyến khích và tạo đòn bẫy để các doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng SP.
* Cơ chế hiện nay có xu hướng đấu thầu tập trung: Thuận lợi về thủ tục, số lượng hồ sơ dự thầu ít, nhưng tính cạnh tranh rất khốc liệt *(có những gói thầu do một SYT tổ chức có gần 200 nhà thầu tham dự)*. Nếu chúng ta nghiên cứu tính toán chào giá thầu chưa hợp lý thì sẽ rớt thầu, coi như 1 năm không cung cấp hàng hóa cho bất kỳ một cơ sở y tế nào của tỉnh đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu và lợi nhuận.
* Về cơ chế, chính sách của Bộ Y tế: việc cấp giấy phép XNK và giấy phép lưu hành sản phẩm Danameco SX chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng và phát sinh thêm chi phí lưu kho, lưu bãi.
* Tình hình sản xuất Găng tay y tế của Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn: sản phẩm sản xuất ra có chất lượng và giá cả không đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng
* Chi nhánh Hà Nội không thực hiện đúng Nội quy Tổng Công ty đề ra, vẫn duy trì hoạt động của các công ty riêng hoạt động chung ngành nghề với Tổng Công ty, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD tại Danameco.
* Đứng trước tình hình đó, HĐQT và BĐH Tổng Công ty xây dựng, điều chỉnh các chiến lược SXKD phù hợp với tình hình thực tế nhằm khắc phục khó khăn, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực, như: Sắp xếp lại bộ máy tổ chức; thực hiện các chính sách tiết kiệm hợp lý; nghiên cứu sử dụng đồng vốn có hiệu quả hơn trong công tác dự trữ nguyên liệu, hàng hóa và thanh toán; không ngừng nghiên cứu tổ chức sản xuất hợp lý để nâng cao chất lượng, năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, xây dựng chính sách giá bán linh hoạt phù hợp với từng địa bàn cho từng thời điểm v.v… và đã đạt được kết quả, sau đây:

1. **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**

Báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty cổ phần Y tế Danameco ***(số liệu đã kiểm toán)*** như sau:

1. **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  *Đvt: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Số đầu năm**  **2014** | **Số cuối năm**  **2014** |
| **TÀI SẢN** | **-** | **-** |
| **A- TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **104.032.076.819** | **109.378.409.482** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **31.737.975.210** | **30.896.674.837** |
| 1. Tiền | 6.227.886.264 | 2.896.674.837 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 25.510.088.946 | 28.000.000.000 |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **25.200.000** | **-** |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **44.146.535.483** | **54.435.054.502** |
| 1. Phải thu khách hàng | 43.124.477.508 | 53.089.392.654 |
| 2. Trả trước cho người bán | 938.412.814 | 1.234.823.792 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 263.609.337 | 131.973.802 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -179.964.176 | -21.135.746 |
| **IV. Hàng tồn kho** | **25.429.583.760** | **21.227.284.293** |
| 1. Hàng tồn kho | 26.648.339.450 | 21.410.753.959 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | -1.218.755.690 | -183.469.666 |
| **V.Tài sản ngắn hạn khác** | **2.692.782.366** | **2.819.395.850** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 342.392.162 | 204.066.542 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 1.563.261.454 | 2.103.843.875 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 0 | 2.829.617 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 787.128.750 | 508.655.816 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **40.600.970.611** | **37.560.727.924** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **0** | **0** |
| **II.Tài sản cố định** | **39.410.070.241** | **36.542.537.964** |
| **1. Tài sản cố định hữu hình** | **22.322.406.420** | **19.464.874.143** |
| - Nguyên giá | 47.250.635.679 | 45.240.837.934 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | -24.928.229.259 | -25.775.963.791 |
| **2. Tài sản cố định vô hình** | **17.087.663.821** | **17.077.663.821** |
| - Nguyên giá | 17.159.663.821 | 17.159.663.821 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | -72.000.000 | -82.000.000 |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 0 | 0 |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **0** | **0** |
| **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **0** | **0** |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **1.190.900.370** | **1.018.189.960** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 1.190.900.370 | 1.018.189.960 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **144.633.047.430** | **146.939.137.406** |
| **NGUỒN VỐN** |  |  |
| **A. NỢ PHẢI TRẢ** | **84.291.099.246** | **70.091.949.240** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **81.491.099.246** | **69.969.449.240** |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 45.858.018.841 | 41.893.770.604 |
| 2. Phải trả người bán | 13.157.664.632 | 12.355.878.829 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 9.635.188.807 | 2.602.260.113 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 7.068.758.235 | 6.288.228.481 |
| 5. Phải trả người lao động | 3.283.156.849 | 3.548.705.361 |
| 6. Chi phí phải trả | 253.841.146 | 285.055.910 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 2.065.052.575 | 1.781.243.440 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 169.418.161 | 1.214.306.502 |
| **II. Nợ dài hạn** | **2.800.000.000** | **122.500.000** |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 2.800.000.000 | 122.500.000 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu chưa thực hiện | 0 | 0 |
| 4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 0 |
| **B.VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **60.341.948.184** | **76.847.188.166** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **58.551.315.516** | **75.056.555.498** |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 30.143.620.000 | 41.691.480.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 5.001.173.825 | 4.946.628.370 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu |  |  |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 0 | 0 |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 7.743.220.710 | 12.050.330.233 |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính | 1.376.032.516 | 2.333.167.966 |
| 7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0 |
| 8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 14.287.268.465 | 14.034.948.929 |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **1.790.632.668** | **1.790.632.668** |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **144.633.047.430** | **146.939.137.406** |

**2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

*Đvt: Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm trước**  **2013** | **Năm nay**  **2014** | **2014/**  **2013** |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | **210.980.908.560** | **220.497.897.604** | **105%** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 1.584.263.651 | 766.016.998 |  |
| **3. DT thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ** | **209.396.644.909** | **219.731.880.606** | **105%** |
| 4. Giá vốn hàng bán | 141.011.925.950 | 156.099.328.646 | 111% |
| **5. LN gộp về bán hàng và c.cấp dịch vụ** | **68.384.718.959** | **63.632.551.960** | **93%** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 420.773.045 | 901.520.520 | 214% |
| 7. Chi phí tài chính | 5.727.945.468 | 3.819.406.615 |  |
| *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *5.709.906.180* | *3.565.044.360* | 62% |
| 8. Chi phí bán hàng | 15.028.026.940 | 14.525.834.664 | 97% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24.791.627.003 | 20.638.217.554 | 83% |
| **10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh** | **23.257.892.593** | **25.550.613.647** | **110%** |
| 11. Thu nhập khác | 1.994.306.595 | 747.044.554 |  |
| 12. Chi phí khác | 330.167.439 | 521.389.971 |  |
| **13. Lợi nhuận khác** | **1.664.139.156** | **225.654.583** |  |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **24.922.031.749** | **25.776.268.230** | **103%** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 6.301.566.447 | 5.681.968.270 |  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - |  |
| **17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **18.620.465.302** | **20.094.299.960** | **108%** |

* **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2014** |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán |  |  |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 1,28 | 1,56 |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn |  |  |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 0,96 | 1,26 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn |  |  |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản | 58,28% | 47,70% |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 139,69% | 91,21% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động |  |  |
| + Vòng quay về hàng tồn kho | 5,05 | 6,69 |
| +Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,45 | 1,50 |
| Vòng quay khoản phải thu | 4,45 | 4,57 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời |  |  |
| +Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 8,89% | 9,14% |
| +Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 30,86% | 26,15% |
| +Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 12,87% | 13,68% |
| +Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần | 11,11% | 11,63% |

* Để đạt được kết quả trên trong năm 2014, Ban Lãnh đạo TCT đã triển khai tổ chức tốt một số công việc chủ yếu, cụ thể sau đây:

1. **Đối với lĩnh vực Sản xuất:**

* Tổng Công ty lấy năm 2014 là năm “Phòng chống cháy nổ” và kêu gọi mỗi người hãy suy nghĩ và hành động có trách nhiệm về công tác này tại nơi làm việc, đặc biệt là các XN sản xuất. Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể hướng dẫn thực hiện. Điều này, nhằm ổn định nơi làm việc, cơ sở SX; để SX cung cấp kịp thời SP cho khách hàng và bảo quản được tài sản.
* Tiếp tục nghiên cứu tổ chức SX hợp lý, đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.
* Không SXKD bao bì Carton. Sử dụng mặt bằng này để chuyển một số SP sản xuất tại XNHC về XNQN trực tiếp SX, nhằm giải quyết hợp lý nguồn nhân lực và tránh áp lực quá tải cho XNHC về tiến độ cung ứng sản phẩm cho khách hàng.
* Dừng việc SX găng tay y tế, vì chất lượng không đảm bảo cho việc khám chữa bệnh và giá thành quá cao so với đối thủ.
* Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế đối thoại nơi làm việc không để khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp xảy ra.

1. **Đối với lĩnh vực Kinh doanh**:

* Thành lập Văn phòng đại diện - Danameco tại Hà Nội, Cần Thơ để phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ trang thiết bị, vật tư y tế và các sản phẩm bông, băng, gạc v.v… nhằm thúc đẩy phát triển SXKD.
* Điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Quy chế hoạt động của Chi nhánh để phù hợp với thể chế của Nhà nước và tình hình hoạt động thực tế hiện nay. Yêu cầu các Chi nhánh phải tuyệt đối chấp hành mọi chủ trương, quyết định của Tổng Công ty đề ra.
* Tích cực tham gia Hội chợ về TTB, VTYT tại khu vực, tìm thêm nhiều chủng loại hàng hóa, để làm đại lý độc quyền tại Việt Nam nhằm chủ động trong quá trình SXKD.
* Tách phòng KD thành phòng kinh doanh TTB và phòng kinh doanh VTYT để chuyên môn hóa, mở rộng và làm chủ thị trường nhằm tăng thị phần.
* Tăng cường quảng bá thương hiệu, tổ chức giới thiệu sản phẩm tại các khu vực mà Danameco chưa chiếm lĩnh hoặc có thị phần thấp.
* Tiếp tục nghiên cứu các chiến lược hợp lý để thỏa mãn khách hàng hơn đối thủ cạnh tranh nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
* Mời Giảng viên chuyên nghiệp về đào tạo chương trình CCO *(Giám đốc kinh doanh*) tại Danameco để trang bị kiến thức nhằm phục vụ cho công tác KD ngày càng được tốt hơn, phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế.
* Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về máy móc, thiết bị y tế đối với CBNV trực tiếp kinh doanh TTB.

1. **Đối với lĩnh vực khác:**

* TGĐ, PTGĐ và GĐ các phòng, ban tăng cường làm việc trực tiếp với các đơn vị trực thuộc để kiểm tra, giám sát, xử lý các tình huống kịp thời, thỏa đáng nhằm tránh những điều đáng tiếc xảy ra.
* Rà soát, định biên lại lực lượng lao động phù hợp, nâng cao hiệu quả công việc.
* Tổ chức triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2003 đến với các đơn vị trực thuộc và hoàn thành trước 30/6/2014.
* Thường xuyên theo dõi cải tiến cách trả lương, rà soát các định mức chưa hợp lý để điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tế.
* Tổ chức các buổi tọa đàm chuyên đề để giải quyết các vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh.
* Phát huy những sáng kiến cải tiến, áp dụng thiết thực và hiệu quả vào sản xuất kinh doanh.

1. **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014**

Thực hiện theo Nghị quyết số: ***336/NQ-ĐHĐCĐTN/DNM ngày 26/04/2014*** của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận năm 2014, cụ thể như sau:

* Chi trả cổ tức năm 2014 là **30%/cổ phần.**

*Trong đó:*

* Đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 *(tháng 11/2014)* bằng tiền mặt : 15%/cổ phần
* Chuẩn bị chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 (tháng 4/2014) bằng tiền mặt : 15%/cổ phần

*Đvt: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lợi nhuận sau thuế năm 2014** | **20.094.299.960** |  |
| Lợi nhuận sau thuế năm 2014 do CLTG đánh giá lại chưa phân phối năm nay | -37.176 |  |
| Lợi nhuận sau thuế năm 2013 do CLTG đánh giá lại được phân phối năm nay | 194.370.970 |  |
| **Tổng lợi nhuận phân phối năm nay** | **20.288.633.754** |  |
| - Trích lợi nhuận chia cổ tức (30%) bằng tiền mặt: | 12.507.444.000 | 3.000đ/cp |
| **Số tiền còn lại trích lập các quỹ như sau :** | **7.781.189.754** | **100%** |
| - Quỹ Phát triển sản xuất | 3.501.535.389 | 45% |
| - Quỹ Dự phòng tài chính (sẽ hạch toán nhập chung về Quỹ phát triển sản xuất) | 778.118.976 | 10% |
| - Quỹ Ban điều hành Công ty | 1.167.178.463 | 15% |
| - Quỹ Khen thưởng và phúc lợi | 2.334.356.926 | 30% |

**PHẦN II**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT-KINH DOANH NĂM 2015**

**VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

1. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2015**

Năm 2015, kinh tế thế giới dự báo phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Liên kết kinh tế khu vực với nhiều Hiệp định thương mại tự do được đẩy mạnh trong xu thế toàn cầu hóa. Tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực đang diễn ra quyết liệt và tranh chấp chủ quyền biển đảo vẫn rất phức tạp. Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi Tổng Công ty phải nỗ lực phấn đấu cao nhất, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, cụ thể như sau:

*Đvt: Đồng*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2015** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Doanh thu hoạt động SXKD** | **232.000.000.000** |  |
| **II** | **Giá vốn hàng bán ra** | **169.100.000.000** |  |
| **III** | **Lãi gộp từ SXKD** | **62.900.000.000** |  |
| **IV** | **Tổng chi phí hoạt động** | **36.000.000.000** |  |
| *1* | *Chi phí bán hàng* | *14.000.000.000* |  |
| *2* | *Chi phí quản lý* | *18.000.000.000* |  |
| *3* | *Chi phí tài chính* | *4.000.000.000* |  |
| **V** | **Tổng lợi nhuận trước thuế** | **26.900.000.000** |  |
| **VI** | **Thuế TNDN 22%** | **5.918.000.000** |  |
| **VII** | **Lợi nhuận sau thuế** | **20.982.000.000** |  |

* **Một số giải pháp để thực hiện kế hoạch 2015:** Để hoàn thành kế hoạch năm 2015 theo chủ trương của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty cần tổ chức thực hiện các vấn đề chủ yếu, sau đây:
* Mạnh dạn đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, nghiên cứu tổ chức sản xuất, điều chỉnh các định mức hợp lý để nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành SP.
* Mở rộng xưởng SX tại XNQN để tiếp tục chuyển một số SP tại XNHC vào XNQN nhằm giảm bớt áp lực về tiến độ giao hàng của XNHC, đồng thời cân đối lại lực lượng lao động, phát huy hệ thống cơ sở vật chất đã đầu tư.
* Nghiên cứu đánh giá chọn nhà cung ứng nguyên liệu có chất lượng, giá cả hợp lý, thời gian giao hàng đúng tiến độ để chủ động trong quá trình SX và giảm giá thành SP.
* Giữ vững thị trường truyền thống và tiếp tục mở rộng, phát triển thị trường mới nhằm tăng thị phần trên toàn quốc.
* Sàng lọc lại hệ thống đại lý của Danameco khắp cả nước để chọn những đại lý có năng lực, trung thành và thực hiện tốt những qui chế đại lý để giao thêm địa bàn hoạt động, đồng thời cắt bỏ những đại lý yếu kém năng lực.
* Điều chỉnh chiến lược giá bán phù hợp với từng thời điểm, từng địa bàn nhằm mở rộng và tăng thị phần.
* Tiếp tục nghiên cứu làm đại lý cho một số hãng có uy tín ở nước ngoài về trang thiết bị, vật tư y tế để có nguồn hàng tốt chủ động trong công tác phát triển kinh doanh *(ưu tiên những mặt hàng của những nước G7).*
* Triển khai thực hiện hệ thống KPI vào tháng 5/2015 nhằm đánh giá năng lực hoạt động của từng người, từng bộ phận.
* Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tổ chức hợp lý theo hướng chuyên nghiệp để phát triển SXKD phù hợp với thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
* Tiếp tục nghiên cứu đào tạo một số chuyên đề để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho CBNV phù hợp với công việc được phân công để hoạt động SXKD tại Danameco ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn.
* Đẩy mạnh việc thực hiện “**5 xây, 3 chống**” của Thành ủy và thường xuyên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

1. **TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2015**

* Để quá trình SX-KD năm 2015 được thực hiện tốt, Tổng Công ty cần đầu tư một số hạn mục cho 3 đơn vịvới tổng giá trị dự kiến là: **4.746.696.000 đồng.**
* Xí nghiệp Hòa Cường: Đầu tư máy móc, nâng cao năng suất, giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.
* Xí nghiệp Quảng Nam: Cải tạo nhà xưởng bao bì để sản xuất bông băng gạc.
* Trung tâm Dịch vụ Y tế tổng hợp: đầu tư xe lớn hơn hiện tại để phục vụ hoạt động nhận và giao hàng tại Trung tâm; điều chuyển xe cũ của Trung tâm vào Chi nhánh HCM phục vụ công tác giao hàng thầu tập trung.
* Các hạng mục đầu tư cụ thể:

*Đvt: Đồng*

| **Stt** | **Hạng mục đầu tư** | **Đvt** | **Số lượng** | **Đơn giá**  **(dự tính)** | **Thành tiền (dự tính)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Xí nghiệp Hòa Cường:** |  |  |  | **3.530.000.000** |
| *1.* | *Máy gấp gạc phẫu thuật 10x10* | *Máy* | *2* | *685,000,000* | *1,370,000,000* |
| *2.* | *Dây chuyền gấp gạc PT ổ bụng 30x40x6*  *- Máy gấp chuẩn bị 3 lớp: 01 máy*  *- Máy gấp chuẩn bị 4 lớp: 01 máy*  *- Máy gấp gạc PTOB: 01 máy* | *Bộ* | *1* | *900,000,000* | *900,000,000* |
| *3.* | *Máy đóng gói tự động* | *Máy* | *1* | *1,000,000,000* | *1,000,000,000* |
| *4.* | *Máy quay băng cuộn* | *Máy* | *1* | *150,000,000* | *150,000,000* |
| *5.* | *Máy làm túi camera vòng nhựa* | *Máy* | *1* | *50,000,000* | *50,000,000* |
| *6.* | *Cải tạo máy gấp gạc 10x10 và 7,5x7,5* | *Máy* | *1* | *60,000,000* | *60,000,000* |
| **II.** | **Xí nghiệp Quảng Nam:** |  |  |  | **840.996.000** |
| *1.* | *Tường xây gạch* | *M²* | *255* | *540,000* | *137,700,000* |
| *2.* | *Khung nhôm* | *M²* | *21.6* | *720,000* | *15,552,000* |
| *3.* | *Cửa nhôm* | *M²* | *34.56* | *900,000* | *31,104,000* |
| *4.* | *Vách nhôm ngăn* | *M²* | *68* | *720,000* | *48,960,000* |
| *5.* | *Trần la phông chống cháy* | *M²* | *520* | *174,000* | *90,480,000* |
| *6.* | *Khung sắt đỡ laphong* | *M²* | *520* | *84,000* | *43,680,000* |
| *7.* | *Máy điều hòa LS* | *Cái* | *10* | *26,400,000* | *264,000,000* |
| *8.* | *Lát nền gạch men* | *M²* | *600* | *144,000* | *86,400,000* |
| *9.* | *Bàn làm việc có đèn* | *Cái* | *12* | *3,600,000* | *43,200,000* |
| *10.* | *Ghế nhựa cao* | *Cái* | *120* | *66,000* | *7,920,000* |
| *11.* | *Hệ thống điện chiếu sáng* | *HT* | *1* | *72,000,000* | *72,000,000* |
| **III.** | **Trung tâm Dịch vụ Y tế T.Hợp** |  |  |  | **375.700.000** |
| 1. | *Xe tải Thaco OLLIN 1,98 tấn + thùng kín* | *Xe* | *1* | *375,700,000* | *375,700,000* |
|  | **TỔNG CỘNG:** |  |  |  | **4.746.696.000** |
| ***(Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng y)*** | | | | | |

1. **KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015:**

Căn cứ vào kế hoạch SX-KD năm 2015 và tình hình thực tế qua các năm gần đây, xin trình với ĐHĐCĐ là giao cho HĐQT quyết định trong kỳ họp cuối năm 2015, về phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN. Dự kiến như sau:

* Chi trả cổ tức:
* Mức chi trả cổ tức 30%/ cổ phần
* Hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu
* Số tiền còn lại phân phối:
* Trích lập quỹ phát triển sản xuất : 50%
* Trích lập quỹ khen thưởng - phúc lợi : 30%
* Trích lập quỹ Ban điều hành công ty : 20%

*Kính thưa Đại hội!*

*Trên đây là toàn văn tình hình hoạt động SXKD năm 2014 và phướng hướng, nhiệm vụ 2015, chúng tôi xin báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.*

*Cuối cùng, tôi xin cám ơn Đại hội đã lắng nghe và kính chúc Quí vị đại biểu, Quí vị khách quý và toàn thể cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.*

*Xin trân trọng kính chào!*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**(Đã ký)**

**NGUYỄN TẤN TIÊN**